

LỄ HỘI CỦA NGƯỜI THÁI MƯỜNG TẮC, HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

PHẠM THỊ KIM OANH

Huyện Phù Yên nằm ở phía Đông bắc tỉnh Sơn La, cách thị xã Sơn La 120km, cách thủ đô Hà Nội 180 km, có vị trí chiến lược về chính trị, kinh tế và quân sự của tỉnh. So với các huyện khác trong tỉnh Sơn La, Phù Yên là huyện miền núi thấp, tiếp giáp với miền trung du và đồng bằng rất thuận tiện về đường giao thông, nên ngay từ xa xưa, lòng chảo Mường Tấc, trung tâm của huyện đã trở thành nơi sinh tụ của người Thái và các tộc người anh em.

Người Thái ở Phù Yên thuộc dòng Thái trắng (*Tay Đôn*), còn gọi là người Thái Mường Tấc (*Tay Tấc*). Người Thái Mường Tấc cùng ngành với các nhóm Thái Mường Lay, Phong Thổ (Lai Châu), Than Uyên (Lào Cai), Quỳnh Nhai, Mộc Châu (Sơn La), Mai Châu (Hoà Bình) và Mường Khòng, Thuận Xuân (Thanh Hoá). Tính đến tháng 5 năm 2005, người Thái ở huyện Phù Yên có 29.071 người, chiếm 28,2% dân số toàn huyện, sống tập trung ở khu vực lòng chảo Mường Tấc và một số xã như Thuận Phù, Quang Huy, Huy Thợng, Huy Bắc...

Cho đến nay, người Thái Mường Tấc ở huyện Phù Yên đã được đề cập đến trong một số công trình nghiên cứu như: *Tấn Thào Hoàng truyện* của Phong Kiều và *Phản Xúc - Man Th* (271); *Hàng Hoá xứ phong thổ lục* của Hoàng Bình Chính; *Những hiểu biết về người Thái ở Việt Nam* (2005),

"Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam" (1978) của tác giả Cẩm Trọng... Các công trình này đã ghi chép cụ thể về Phù Yên, dưới tên gọi là Châu Phù Hoa, với sự có mặt từ rất sớm của nhóm Thái trắng dưới tên gọi là người Di, Lão. Các tác giả cũng đã tập trung nghiên cứu về lịch sử tộc người, văn hoá, xã hội, sinh hoạt kinh tế, trình bày khá cặn kẽ về hôn nhân và gia đình của nhóm Thái. Người nhóm Thái ở Phù Yên chỉ được nhắc đến trong phần lịch sử tộc người, còn về hôn nhân của nhóm Thái này thì chưa được khai thác.

Tác giả Hoàng Long với những nghiên cứu cụ thể về hôn nhân của nhóm Thái Mường Tấc ở Phù Yên, được trình bày trong cuốn *Văn hoá các dân tộc Tây Bắc Việt Nam* (2005); *Lễ hội truyền thống của các dân tộc Việt Nam khu vực phía Bắc* (2002); *Lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam* (2002); *Phong tục hôn nhân và gia đình của người Thái Mường Tấc* (2000). Trong đó, tác giả đã giới thiệu về các cách ứng xử khác nhau trong hôn nhân và gia đình của người Thái Mường Tấc theo tục lệ và luật tục truyền thống. Tuy nhiên, tác giả chưa có một tác phẩm chuyên sâu về đề tài hôn nhân của người Thái ở Phù Yên nói riêng, người Thái nói chung.

Bài viết này xin đề cập đến các nghi lễ trong hôn nhân của người Thái Mường

Tất, cụ thể là các nghi thức và các bước tiến hành hôn lễ của họ.

Thông thường, nghi lễ cưới hỏi được chia thành ba giai đoạn: giai đoạn trước đám cưới, giai đoạn tổ chức cưới và giai đoạn sau đám cưới.

1. Giai đoạn trước đám cưới

1.1. Lễ so tuổi

Cũng như các tộc người khác, khi đến tuổi trưởng thành, các chàng trai, các cô gái Thái được quyền tự do tìm hiểu người bạn đời của mình. Khi tình cảm của họ gắn kết như trăng với sao, chàng trai về báo cáo với bố mẹ mình và tuân thủ theo sự sắp đặt của cha mẹ về việc kết hôn.

Theo phong tục, trước khi quyết định tổ chức cưới vợ cho con, nhà trai phải tìm hiểu về gia cảnh của nhà gái và đặt vấn đề để hai gia đình được đi lại. Một tục lệ bắt buộc, hầu hết các gia đình Thái Mường Tấc đều tiến hành, đó là hỏi tuổi cô dâu, chú rể để làm lễ so tuổi. Tùy điều kiện của từng gia đình, từng dòng họ mà thủ tục này được tiến hành khác nhau. Tuy không theo một tôn giáo nào cụ thể, nhưng người Thái Mường Tấc tin rằng, con người khi sinh ra đều có linh hồn, có số mệnh. Chính vì thế, để xem các đôi vợ chồng có hợp số nhau hay không, họ thường mang theo một chút lễ vật như hoa quả, bánh kẹo, đến nhà ông thầy xem tổng số để nhờ ông xem giúp ngày tháng năm sinh của chàng trai và cô gái có hợp với nhau không? Hai tuổi đó nếu lấy nhau thì như thế nào? Nếu so tuổi thấy phù hợp, gia đình nhà trai sẽ tiến hành lễ chạm ngõ. Cũng có trường hợp không hợp tuổi thì gia đình sẽ khuyên chàng trai đi tìm người khác.

1.2. Lễ chạm ngõ (pay tham pơ)

Đây là cuộc tiếp xúc đầu tiên của nhà trai với nhà gái. Việc đầu tiên, nhà trai phải tìm người mai mối giúp gia đình. Người Thái không có người làm ông mối, bà mối một cách chuyên nghiệp. Các gia đình thường nhờ những người lớn tuổi, có uy tín trong bản, có vợ chồng đầy đủ, hoà thuận, con cái đông đúc có trai có gái, gia đình sung túc. Trong các nghi lễ của đám cưới, ông mối giữ vai trò liên lạc giữa hai họ nên ông mối phải là người biết ăn nói, có tài đối đáp và hát đối. Việc nhà trai đến gia đình ông mối để nhờ được giúp đỡ cũng phải rất khéo léo, tế nhị. Thông thường, nhà trai mang một chút lễ nhỏ, như hoa quả, trà, thuốc lá đến để có lời, đại ý là: chúng tôi có con trai đã lớn, muốn hỏi vợ cho cháu, nhưng vì vùng đèo ăn, tiếng nói, sợ nhà gái phật ý nên muốn nhờ ông (bà) đi cháu đi, có lời giúp gia đình chúng tôi. Khi được tin nhiệm vụ vậy, ông mối sẽ vui vẻ nhận lời và có trách nhiệm từ đầu đến cuối của đám cưới.

Lễ chạm ngõ được thực hiện theo 3 bước sau:

Bước 1: Với mục đích chủ yếu là đánh tiếng nên lễ vật trong lễ chạm ngõ rất đơn giản. Ông mối thay mặt cho gia đình nhà trai mang theo hoa quả, bánh kẹo, chè, thuốc đến nhà gái để thăm chuyện. Cô gái cũng ngầm thông báo với cha mẹ mình về việc đó để chủ động đón tiếp nhà trai. Sau khi đến nhà, hỏi thăm sức khỏe của gia đình hai bên nội ngoại, ông mối nói rõ với nhà gái về mục đích việc đến thăm của mình. Hai bên cùng ăn cơm, uống rượu và chuyện trò vui vẻ. Trong lần đầu tiên ông mối tiếp xúc với nhà gái, để giữ ý, dù đồng ý hay không

đồng ý về việc c-ới hỏi, thì nhà gái cũng không bao giờ trả lời ngay. Nếu qua một vài ngày, không thấy nhà gái đem quà trả lại thì nghĩa là gia đình cô gái đã đồng ý để nhà trai tiếp tục b-ớc tiếp theo.

B-ớc 2: Giống với phong tục của người Kinh, người Thái cũng quan niệm “cau trầu làm đầu câu chuyện”. Chọn được ngày lành, tháng tốt, ông mối mang theo hai gói trầu, hai gói cau, hai cây vò đến nhà gái để th-a chuyện về việc c-ới hỏi của đôi trẻ. Hai bên vui vẻ ăn trầu, nói chuyện và cùng nhau chọn ngày tốt để ông mối đến lần thứ 3.

B-ớc 3: Đến ngày đã hẹn, ông mối mang sang nhà gái một đôi gà sống (một con trống, một con mái), hai chai r-ợu. Nhà gái làm một mâm cơm để cúng tổ tiên và tiếp đãi ông mối. Trong khi nói chuyện, ông mối chủ động lựa lời để hỏi nhà gái về lễ vật mang sang nhà gái trong lễ ăn hỏi và ngày ăn hỏi chính thức.

1.3. Lễ ăn hỏi (*pay dam pợ*)

Ăn hỏi là dấu mốc đặt quan hệ chính thức giữa hai gia đình với đầy đủ tính chất của phần lễ. Lễ ăn hỏi to hay nhỏ phụ thuộc vào khả năng, điều kiện kinh tế của nhà trai và theo yêu cầu của nhà gái, nh-ng phải tuân theo phong tục truyền thống.

Lễ ăn hỏi gồm có ba b-ớc: sắp lễ, ăn hỏi và cô dâu ra mắt nhà trai.

Sắp lễ: Nhà trai phải dẫn lễ vật sang nhà gái, bao gồm những thứ đã thoả thuận tr-ớc giữa ông mối và nhà gái: tiền mặt (ít hay nhiều do nhà gái qui định), hai con gà trống, 30kg gạo, một con lợn khoảng 30kg trở lên, 10 lít r-ợu trắng, bánh, kẹo, hoa, quả, đ-ờng, trầu cau, vò... Tất cả lễ đ-ợc đặt vào hai sọt, một sọt đ-ợc đ-a đến nhà cô

dâu, một sọt nhỏ hơn đ-ợc đ-a đến nhà ngoại của cô dâu.

Theo tục lệ truyền thống, ngoài các lễ vật trên, nhà trai bắt buộc phải tặng cô dâu t-ơng lai một đôi vòng tay bằng bạc trắng, to hay nhỏ là do nhà gái qui định, gọi là vòng tay “đánh dấu con dâu” (*pa khen mai pợ*). Nếu nhà trai có điều kiện, nhà trai có thể tặng mẹ cô gái một đôi vòng bạc nh- thể. Đây là loại vòng tay đ-ợc coi là có giá trị nhất cả về giá trị vật chất cũng nh- giá trị tinh thần, gọi là *pa khen cốp*.

Đoàn đi ăn hỏi phải đi đủ đôi, gồm có: ông mối (bà mối) dẫn đầu, cùng với chú rể, một phù rể, ông bác, bà bác, một số chàng trai đi giúp việc (*báo xừ*) khoảng 12 đến 15 ng-ời, là những ng-ời ngoài dòng họ.

Đoàn *báo xừ* chịu trách nhiệm nấu n-ớng để chiêu đãi nhà gái. Số l-ợng mâm cỗ sẽ tùy thuộc vào số l-ợng ng-ời tham dự lễ ăn hỏi. Sau khi nấu n-ớng xong, nhà gái đặt một mâm cỗ lên bàn thờ gia tiên để tổ tiên làm chứng cho việc cô dâu đã có nơi, có chốn.

Trong bữa ăn, nhà trai và nhà gái sẽ thống nhất về lễ vật mà nhà gái thách c-ới, nh- số l-ợng mâm cỗ c-ới mà nhà trai phải làm ở nhà gái, về lễ c-ới và quà tặng mà nhà gái đ-a sang nhà trai.

Sau khi bàn bạc thống nhất về hôn nhân của đôi trẻ, nhà gái -ng thuận, thì nhà trai sẽ về chọn ngày c-ới. Ngày c-ới th-ờng tổ chức sau lễ ăn hỏi khoảng 3 đến 6 tháng, cũng có khi là 1 đến 2 năm. Đây chính là thời gian để nhà trai chuẩn bị l-ơng thực, thực phẩm và lễ vật cho đám c-ới. Theo quan niệm truyền thống, những ngày đẹp là ngày không trùng với những ngày kiêng cử trong từng tháng, không trùng với ngày mất

của ông, bà, cha, mẹ, ngày gọi hôn ng-ời chết về thờ. Thông th-ờng, ngày c-ới sẽ đ-ợc hai gia đình lựa chọn vào ngày đẹp, phù hợp với tuổi của cô dâu chú rể và vào các ngày chẵn hoặc ngày lẻ của các tháng lẻ (ngày mùng 7, 17, 27...)

Nếu ở rể, thì sau lễ ăn hỏi chàng trai sẽ mang đồ đạc, t- trang của mình sang nhà gái ở rể (*ngủ quán*).

Cũng giống nh- các nhóm Thái khác, theo tục lệ, mối quan hệ thông gia giữa hai gia đình đ-ợc thiết lập khi nhà trai trao cho nhà gái số tiền thách c-ới, nh-ng nhà gái phải chuẩn bị cho cô dâu của hồi môn. Tập tục Thái quy định, khi về nhà chồng, cô gái mang theo số l-ợng lớn những sản phẩm của nghề dệt làm của hồi môn, bao gồm: quần áo cho bản thân, những bộ chăn gối, đệm, màn gió, màn ngủ làm quà tặng cho bố mẹ chồng và bạn bè.

□ ng-ời Thái M-ờng Tác, khi mới ăn hỏi “*khảo pu mạt*”, đôi trai gái chưa được chung chăn gối, nh-ng đã đ-ợc xem là vợ chồng. Vì vậy, các cặp trai gái này rất ít khi bỏ nhau, họ thực hiện nghĩa vụ làm dâu, làm rể nh- đã c-ới rồi. Điều này khác với ng-ời Thái đen, là sau lễ “*xú phạ*” — lễ chung chăn gối, thì mới đ-ợc coi là vợ chồng. Vì vậy, luật tục cũng quy định, nếu sau lễ ăn hỏi mà cô gái bỏ chàng trai thì phải trả lại cho nhà trai toàn bộ số lễ vật đã nhận khi ăn hỏi, nh-ng nếu chàng trai bỏ cô gái thì nhà gái không phải trả lại lễ vật ăn hỏi.

Theo phong tục, sau lễ ăn hỏi, cô dâu sẽ về thăm nhà trai, gọi là lễ “*Nhăm tạt h-ón*” (giẫm vết chân lên nhà chồng, người Thái đen gọi là dẫm sàan nhà chồng). Lễ này do bên nhà gái chủ động tổ chức, là một thủ tục mang tính lễ nghi, với ý nghĩa cô dâu

trình diện ông, bà nội, bố, mẹ chồng và họ hàng nhà trai. Nhà gái mang lễ vật gồm: bốn đôi gối, bốn đôi khăn piêu, hai đôi ghế đệm để tặng bố mẹ chồng t-ơng lai, cùng với hoa quả, bánh kẹo, chè, thuốc...Đáp lại, nhà trai cũng chuẩn bị một số đồ để mừng cho cô dâu. Thông th-ờng, nhà trai tặng cô dâu các cuộn vải hoặc mặt chần, nhiều màu sắc sặc sỡ nh- vải đỏ, vải hoa, vải trắng, vải kẻ...để làm chăn, gối và làm của để dành.

2. Giai đoạn tổ chức c-ới

2.1. Giai đoạn ở rể

Ng-ời Thái M-ờng Tác cũng giống nh- nhóm Thái trắng nói chung, không có tục ở rể. Tuy nhiên, cũng có những tr-ờng hợp cá biệt, có ở rể, thì luật tục quy định ở rể trong 2 tr-ờng hợp sau:

Tr-ờng hợp ở rể đời (ở nhà gái suốt đời): nếu nhà gái không có con trai, chàng rể cả phải ở bên nhà vợ suốt đời và có trách nhiệm thờ cúng bố mẹ vợ. Trong tr-ờng hợp này, chàng trai phải mang chăn, màn, quần áo, t- trang của mình đến nhà gái ở một thời gian và trong thời gian đó, chàng trai bị coi nh- một ng-ời khách lạ. Trong thời gian đầu, chàng rể phải ngủ ở gian quán (*bên hóng* — bàn thờ tổ tiên).

Trong tr-ờng hợp chàng trai đi ở rể, kể từ khi nhà gái nhận rể, cô gái không phải sang ra mắt gia đình nhà trai, không đ-ợc làm lễ tr-óc bàn thờ tổ tiên. Bao giờ ng-ời vợ chết thì mới làm lễ “xin áo” (*so sưa*) cho cô dâu. Khi đó, nhà gái mang một đôi gối mới sang làm lễ trình diện với tổ tiên nhà trai, xin cho đôi vợ chồng đ-ợc sống với nhau ở thế giới bên kia.

Luật tục Thái cũng quy định về tr-ờng hợp từ rể. Nếu trong thời gian ở rể, chàng trai không làm việc chăm chỉ, hoặc bị

nhà gái phạt ý về một điều gì đó, mà nhà gái không đồng ý nhận rể hoặc do cô gái không thích chàng rể đó nữa, thì nhà gái đ-ợc phép từ rể. Nhà gái làm cơm mời đại diện bên nhà trai đến làm “vía cúng” (*khoăn cạ*) cho chàng trai. Sau khi làm lễ, chàng trai có thể trở về gia đình mình và tự do tìm hiểu ng-ời khác.

Trong tr-ờng hợp ở rể có thời hạn, luật tục cũng quy định rõ thời hạn ở rể là ba năm. Sau thời hạn ở rể, nhà trai đón dâu về nhà chồng và nhà gái phải cung cấp toàn bộ những đồ đạc cần thiết cho đôi vợ chồng trẻ. Tùy theo khả năng và điều kiện kinh tế mà nhà gái có thể cho đôi vợ chồng ít hoặc nhiều của hồi môn, nh-ng bắt buộc phải có: một cái ninh để xôi cơm, một đôi gà, một con lợn nái, một gánh thóc giống và bát đũa, xoong nôi...

2.2. Lễ c-ới

Lễ c-ới là giai đoạn thực hiện các nghi lễ chính thức, công nhận cô dâu, chú rể là vợ chồng. Lễ cưới gọi là “*xú phạ*”, có nơi gọi là “*kin đoong*” (kết thông gia hay lễ ghép chân). □ Lào và Thái Lan ng-ời ta cũng gọi lễ cưới là “*kin đoong*” hay “*tảnh ngán*” (xây dựng công việc).

Mùa c-ới của ng-ời Thái th-ờng tổ chức vào dịp tháng ba, t-, năm lịch Thái, vào những lúc nông nhàn, sau khi đã thu hoạch xong mùa màng. Họ kiêng không c-ới vào tháng m-ời hai, tháng giêng, tháng hai, vì lúc đó là mùa ngâu, trời m- a nhiều, sẽ không tốt cho việc c-ới xin.

Theo tập quán truyền thống, toàn bộ các nghi lễ trong một đám c-ới chủ yếu diễn ra ở nhà gái và toàn bộ kinh phí cho lễ c-ới ở cả hai gia đình đều do nhà trai đảm nhiệm, nhà gái chỉ đề ra yêu cầu thách c-ới (*phát*

phạn). Vì vậy, nhà trai phải chuẩn bị rất nhiều đồ sính lễ để dẫn c-ới và toàn bộ l-ong thực, thực phẩm để làm cỗ c-ới.

Tr-ớc hôm c-ới một ngày, nhà gái chuẩn bị hai mâm cơm đặt lên bàn thờ tổ tiên nội, ngoại và một mâm lễ để cúng vía cho cô dâu. Họ quan niệm cô dâu mới về nhà chồng có nhiều bở ngỡ, nếu làm lễ để giữ vía thì cô dâu sẽ gặp nhiều may mắn, khoẻ mạnh, sinh con đẻ cái đ-ợc thuận lợi.

Lễ vật trên mâm lễ bao gồm: Một con gà trống luộc, đ-ợc chặt và bày lên lá chuối hoặc lá dong, cuống lá phải quay lên trên, một chai r-ợu, một bát gạo, một bát cơm, một bát canh, một gói xôi gói trong lá dong, một bát n-ớc có đặt que tăm nằm ngang, một đĩa trầu, cau, chín cái chén, chín đôi đũa, một chiếc áo mới của cô dâu, một sợi chỉ đen và một sợi chỉ trắng cuốn với nhau để làm dây buộc tay giữ vía cho cô dâu.

Đến giờ đã định, nhà trai cử ông mối “*Po sủ*” và một đoàn các chàng trai “*báo sủ*” mang lễ vật sang nhà gái để nấu n-óng toàn bộ bữa cơm c-ới theo yêu cầu của nhà gái.

Trong lễ c-ới, nhà trai phải mang sang nhà gái hai loại lễ vật:

Loại lễ vật thứ nhất là toàn bộ l-ong thực, thực phẩm, r-ợu, rau cỏ, mắm muối để làm cỗ c-ới ở nhà gái. Số l-ong nhiều hay ít tùy thuộc vào số mâm cỗ nhà gái yêu cầu, khoảng 80kg lợn, 80kg gạo, 50 lít r-ợu, 50 chiếc bánh ch-ng... Theo tục lệ ở đây, toàn bộ những thứ để chế biến mâm cỗ, từ gạo, thịt, r-ợu, rau cỏ, mắm, muối, nhà trai đều phải tự mang sang, thậm chí, nếu thiếu thì phải quay về lấy cho đủ dùng. Nhà trai phải nấu n-óng và phục vụ niềm nở, chu đáo, không đ-ợc để nhà gái phạt ý. Nhà gái chỉ việc mời chào khách khứa và ăn uống, chúc tụng vui vẻ.

Loại lễ vật thứ hai là đồ sinh lễ mà nhà gái thách c-ới hay còn gọi là lễ vật tạ công ơn cha mẹ, bao gồm: tiền mặt, hai gói trầu cau, hai gói muối, hai gói com, hai con gà luộc, 2kg chè, 2 cây thuốc lá, bánh kẹo, hoa quả, 2 chai r-ượu lễ bọc vuông vải trắng (gọi là chai r-ượu đầu bạc, với ý nghĩa mong muốn cho đôi vợ chồng sống với nhau đến đầu bạc răng long). Đặc biệt là trong số lễ vật này không bao giờ được thiếu “*bọng hấp*”. “*Bọng hấp*” là những đôi giỏ tre đựng cá sấy khô (*pa dảng*) và những ống tre t-ới đựng cá hay thịt ướp chua. Số lượng “*bọng hấp*” nhiều hay ít tùy thuộc vào số l-ợng cô, dì, chú, bác bên nhà gái, mỗi ng-ời sẽ đ-ợc tặng một đôi và bốn quả trứng gà đựng trong giỏ. Tất cả những đồ lễ này đ-ợc cho vào những chiếc giỏ đan bằng lạt, màu xanh, đỏ thật đẹp và số l-ợng giỏ phải là số chẵn theo từng cặp đôi vì họ quan niệm đám c-ới phải có đôi, có lứa. Nếu nhà trai không chuẩn bị đủ số cá trên thì sẽ không đ-ợc phép đón dâu và bị phạt tiền hoặc r-ượu. Đáp lại thịnh tình của nhà trai, các cô, dì, chú, bác bên nhà gái sẽ tặng lại nhà trai một số lễ vật nh- : vải, gói, khăn hoặc là tiền tùy theo khả năng của họ.

Trong đồ sinh lễ, một thứ không thể thiếu là đôi vòng tay bằng bạc trắng trao cho mẹ vợ và cô dâu, một bộ váy áo, xà tích cho mẹ vợ để tỏ lòng biết ơn công sinh thành ra vợ mình.

Đoàn dẫn lễ của nhà trai phải đi có đôi, thông th-ờng là số chẵn, gồm 18 đến 20 ng-ời. Theo phong tục, bố mẹ và chị gái chồng tuyệt đối không đ-ợc sang nhà gái và cũng không đ-ợc tham gia vào đoàn đón dâu.

Khi đến cầu thang nhà gái, cả đoàn cùng chú rể phải dừng lại, ông mối sẽ có lời xin phép nhà gái để đ-ợc gánh lễ lên nhà.

“*Tà nai ơi! Khuôn khỏi ma té chạu*
Ma họt tà nai cang khuông tì tang
phiêng cang phiêng bôn
Kh-oi lả khữn xú h-ơn khuôn
Đay xam khản lông phốc lấy hốc khản
lông điều
Lay hiêu nọi tà nai lông cái, pẻn tạp hài
lông au
So lé - ỏi tênh nan so lai
So tè nai inh x-ờng hặc panh khuôn khỏi
Au hánh khỏi kh-oi chạ kh-ởn xú
h-ơn kin”.

Tạm dịch:

Bố mẹ vợ ơi! Hôn chúng tôi đã đến từ sớm rồi

Đến chỗ bố mẹ vợ, đến giữa sân và giữa bãi

Nơi tốt lành, khô ráo

Rể này sẽ nghỉ ở bốn góc nhà của nàng đây

Cầu thang ba bậc ném xuống, sáu bậc bắc lên

Cái thang nhỏ dùng bắc cầu thang sang nhà bố mẹ vợ

Xin bố mẹ vợ th-ơng yêu, quý mến chúng tôi

Xin mọi ng-ời nhận lấy con rể này đi.

□ trên sàn, ông mối bên nhà gái cất giọng đáp lời:

“*San t- a ủa m- a lang san lang*

San pang ủa m- a tiếng

San t- a chẳng hên cáy th-ơn tốc na hon

Chẳng hên cáy con tốc tông đủ

Chẳng pẻn chẩu pi nọng đờn dúng
tiêu giam

Hau ni au căn to pá bàn tó ne

Cầu của chẳng hên chẩu pi nọng pú da
thắng h-ơn

*Hau cò ỉn au chua bok ban, ỉn au pan
bók thúá*

Báu ỉn lẹo chi xiệt chua hau lai tè lay”.

Tạm dịch:

Mấy khi mới đến nhà này, thời có tiếng
có tằm

Mấy khi thấy gà rừng xà xuống ruộng khô

Mấy khi thấy gà nhốt trong lồng xà
xuống giữa đồng

Mới thấy mình và anh em bay trên mây
đến thăm

Mình mến nhau là ở lời nói, quý nhau là
ở lời hay

Xoắn xuýt lấy nhau, anh em ông bà nội
mới đến tận nhà đây

Đòi mình vốn chơi với nhau từ thuở hoa
ban, hoa đậu

Nếu không chơi sẽ thiệt thòi cả đời
mình đấy!

Sau khi đ-ợc phép của nhà gái, nhà
traí gánh lễ lên cầu thang. Ông mới sẽ thay
mặt đoàn nhà trai th- a chuyện với nhà gái.
Toàn bộ những lời khấp sẽ tập trung nói về
quá trình sinh thành và nuôi đ- ỡng chàng
traí, cho đến khi tr- ởng thành đi hỏi vợ.
Ông mới bên nhà gái cũng đáp lời, ngợi
khen cô con gái nét na, giỏi giang, ngoan
ngoãn, đã tìm đ- ợc chàng rể - ng ý để trao
gả, mong cho đôi vợ chồng trẻ đ- ợc hạnh
phúc trọn đời.

Sau khi mọi ng- ời đã ngồi vào mâm,
chú rể và ng- ời phù rể đi chào và cúi lạy bố
mẹ vợ và họ hàng nhà gái, thể hiện sự kính
trọng và biết ơn bố mẹ vợ, cô dâu và chú rể
đi một vòng mời khách. Mọi ng- ời vừa ăn
uống vui vẻ, vừa hát đối đáp với nhau.

Đến giờ tốt, nhà trai sẽ tiến hành lễ
xin dâu tr- ớc khi tổ chức đón dâu chính
thức. Đoàn đi xin dâu gồm ông mới, hai

ng- ời phụ nữ lớn tuổi bên nội, hai ng- ời phụ
nữ bên ngoại, cùng hai cô gái trẻ. Ông mới
sẽ có lời với gia đình nhà gái để xin đ- ợc
đón cô dâu về nhà chồng và xin lời răn dạy
của bố mẹ vợ cho đôi vợ chồng trẻ.

Lễ vật xin dâu gồm: 2 con gà, 1 chai
r- ợu, 1 gói cơm để làm lễ cúng tổ tiên.

Nhà gái chuẩn bị một số đồ dùng làm
của hồi môn cho con và làm quà tặng cho gia
đình nhà chồng, gồm: gối, chăn, đệm, ghế
ngồi. Thông th- ờng, nhà trai có bao nhiêu
cô, dì, chú, bác thì nhà gái phải tặng bấy
nhiêu đôi gối, còn chăn, đệm và quần áo thì
tặng cho ông bà và bố mẹ chồng. Toàn bộ số
của hồi môn đó không chỉ mang ý nghĩa về
kinh tế mà còn thể hiện sự khéo léo, chăm
chỉ và hiếu thảo của ng- ời con gái Thái.
Ngoài ra, nhà gái chia cho đôi vợ chồng trẻ
các đồ vật, vật dụng sinh hoạt trong gia đình
và các con vật nuôi, vừa là để có đủ đồ dùng,
vừa là mong cho con có một cuộc sống may
mắn, hạnh phúc, gồm:

Một con lợn nái đang có chửa hoặc
đang nuôi con.

Một đôi gà, trong đó có một con gà
mái đang đẻ hoặc đang nuôi con.

Một gánh thóc giống, vài gói hạt
giống các loại cây trồng nh- bông, hạt rau.

Công cụ lao động nh- cuốc, xẻng,
cày, bừa, nhíp, hái...

Đồ dùng sinh hoạt nh- : xoong, nồi,
bát, đĩa...

Nếu gia đình nào sung túc, có điều
kiện thì mua thêm tủ, gi- ờng, tivi, đài... cho
con, thậm chí cả vàng, bạc, tiền, vải vóc.

Sau khi làm lễ xin dâu, dù nhà gái
còn đang ăn uống vui vẻ, mà đến giờ tốt,
đoàn đón dâu vẫn lên đ- ờng trở về nhà trai.

Cô dâu và chú rể đến tr-ớc bàn thờ làm lễ xin phép gia tiên, sau đó quay ra lạy bố mẹ, để về nhà chồng.

Khi đoàn đón dâu xuống đến chân cầu thang nhà gái, nhà gái sẽ tiến hành trêu chọc, đùa vui đoàn đón dâu bằng cách bôi nhọ nổi lên quần áo, ném củ dáy vào ng-ời, buộc nhà trai phải hát đối đáp và uống rất nhiều r-ượu, tạo không khí vui vẻ tr-ớc khi rời nhà gái.

Đoàn đ-a dâu sang nhà trai gồm ông cậu, ông bác, bà bác, họ hàng bên nội, bên ngoại và bạn bè cô dâu. Ng-ời Thái Phù Yên vẫn duy trì tập tục ngủ bạn, nên trong đoàn đ-a dâu, nhà gái chọn hai cô gái trẻ làm phù dâu, giúp cô dâu mang đồ đạc về nhà chồng và ngủ cùng cô dâu tối đầu tiên.

Ngày c-ới, cô dâu mặc váy áo truyền thống, đeo đồ trang sức, đi chân đất để thể hiện sự nhẹ nhàng, khép nép, lịch sự của cô dâu mới. Chú rể mặc áo dài may bằng vải sợi bông, màu sắc trang nhã.

Phong tục ở đây cũng quy định, bố mẹ cô dâu không đ-a tiễn con gái về nhà chồng; bố mẹ và chị gái chồng cũng không đ-ợc sang nhà gái và không tham gia vào đoàn đón dâu, sợ sau này sẽ nảy sinh những bất hoà trong cuộc sống. Thay vào đó, chị gái hoặc em gái của chàng rể sẽ đứng ở cầu thang cùng một thau n-ớc lã để rửa chân cho cô dâu tr-ớc khi b-ớc vào nhà trai và cất nón cho cô dâu. Vào đến cửa nhà, chị hoặc em chồng bí mật đ-a cho cô dâu một nắm cơm và một đùi gà, với quan niệm cô dâu sẽ gặp may mắn. Sau đó, đôi vợ chồng vào lễ tr-ớc bàn thờ tổ tiên nhà chồng, lạy bố mẹ chồng.

Gia đình nhà trai chọn giờ tốt để trải chiếu, chăn cho đôi vợ chồng trẻ. Lễ mắc màn cầu may cho cô dâu sẽ do hai ng-ời phụ nữ bên nội của chú rể, hai ng-ời phụ nữ bên ngoại của cô dâu đảm nhiệm. Bốn ng-ời cầm

bốn góc màn, miệng đọc những lời chúc cho đôi vợ chồng trẻ đ-ợc hạnh phúc, có nhiều con, gia đình sung túc.

Hai chiếc đệm đơn đ-ợc ghép sát vào nhau, trên đệm là đôi áo của hai vợ chồng, hai tay áo đ-ợc buộc chặt, sau đó lấy hai cái chăn đắp lên trên. Ng-ời Thái quan niệm lễ cưới “*xú phạ*” là lễ ghép chăn, linh hồn con ng-ời lại c- trú ở trong áo, nên khi buộc áo và ghép chăn thì linh hồn hai ng-ời đã thuộc về nhau và sẽ sống bên nhau trọn đời.

Hôm sau, nhà trai tổ chức bữa ăn “*ngai hua*” (bữa ăn thịt thủ lợn), để cảm ơn bà con chú bác gần gũi bên nội, bên ngoại của nhà trai và đặc biệt là thết đãi các chàng trai *báo xít*.

3. Giai đoạn sau đám c-ới

Ngày thứ ba sau ngày c-ới, đôi vợ chồng trẻ mang lễ vật đến nhà gái để làm lễ lại mặt, được gọi là “*tảo hôn tin*” (quay dấu chân). Cùng đi với họ có ông mối, cũng có thể là bố mẹ chồng, chú bác nhà chồng và hai, ba ng-ời họ hàng.

Lễ vật của buổi lễ này khá đơn giản, gồm: một đôi gà, hai chai r-ượu, năm cân thịt lợn, năm cân gạo, bánh, kẹo, mỳ, rau. Đến nhà gái, nhà trai làm một mâm cơm cúng tổ tiên nhà bố mẹ cô dâu, xin phép tổ tiên nhà gái để được mang “*tay ho*” của cô dâu về nhà chồng (“*tay ho*” đ-ợc đan bằng tre, buộc thêm một cái quạt, rồi giắt lên mái nhà, nếu sinh con trai thì giắt lên bên quàn, nếu là con gái thì giắt lên mái nhà bên sàn, đ-ợc coi là vật giữ vía).

Bố mẹ cô dâu mời một số ng-ời có uy tín trong dòng họ và gia đình cùng đến dự bữa cơm, cho không khí thêm vui vẻ, gần gũi. Sau khi ăn cơm, nhà trai mang “*tay ho*” của cô dâu về cúng nhập hồn ở bàn thờ để tổ tiên nhận con dâu.

Lễ lại mặt là khâu cuối cùng để hoàn tất một đám c-ới.

Một vài nhận xét

- Hôn nhân của ng-ời Thái M-ờng Tắc mang đậm nét văn hoá truyền thống của ng-ời Thái nói chung và nhóm Thái trắng nói riêng. Các nghi lễ trong đám c-ới phản ánh bản sắc văn hoá tộc ng-ời độc đáo và mang tính nhân văn sâu sắc. Mặc dù theo nếp sống mới, chấp hành Luật Hôn nhân và gia đình của Nhà n-ớc, theo chế độ hôn nhân một vợ một chồng, nh-ng vẫn duy trì các nguyên tắc hôn nhân truyền thống, nh- : quan niệm truyền thống về hôn nhân, nguyên tắc ngoại hôn dòng tộc, nguyên tắc hôn nhân hỗn hợp dân tộc, nguyên tắc c- trú sau hôn nhân...

- Sự t-ong đồng và khác biệt về nghi lễ c-ới của các nhóm Thái cũng đ-ợc thể hiện rõ hơn. Về cơ bản, các nghi lễ trong hôn nhân của hai ngành Thái đen và Thái trắng đều có sự thống nhất cao. Sự khác nhau thể hiện ở mức độ phức tạp hoặc đơn giản hơn trong các nghi thức hôn nhân, hoặc một số b-ớc tiến hành cụ thể. Ng-ời Thái trắng chú trọng việc so tuổi hoặc bày cỗ c-ới phức tạp với nhiều món bắt buộc thì trái lại, ng-ời Thái đen ít quan tâm đến việc so tuổi, cỗ c-ới khá đơn giản, thậm chí đơn điệu. Phụ nữ Thái đen sau khi c-ới, thậm chí mới ăn hỏi, phải búi tóc ng-ợc đỉnh đầu (*tảng cẩu*) để phân biệt với những ng-ời ch- a có chồng, thì chị em Thái trắng lại hoàn toàn không có tục lệ này. Đặc biệt, tục ở rể là rất phổ biến và trở thành bắt buộc đối với các chàng rể ở các nhóm Thái, thì ở nhóm Thái trắng lại ít thấy (trừ tr-ờng hợp ở rể đời hoặc các em vợ còn quá bé).

- Trong khoảng 10 năm trở lại đây, đời sống văn hóa của ng-ời Thái M-ờng Tắc đã có nhiều biến đổi, trong đó có hôn nhân.

Bên cạnh việc tiếp thu nhiều yếu tố văn hoá mới, phù hợp với các quy định của hiến pháp và pháp luật, thì luật tục vẫn đóng một vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh các mối quan hệ trong gia đình và các nghi lễ trong hôn nhân. Nghiên cứu về các nghi lễ trong c-ới hỏi giúp chúng ta có những biện pháp cụ thể để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tộc ng-ời Thái nói chung, ng-ời Thái M-ờng Tắc nói riêng.

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Bình Chính, *H-ng Hoá xú phong thổ lục*, bản chữ Hán l-u trữ ở Viện Hán Nôm, bản dịch tiếng Việt l-u trữ tại th- viện Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
2. Phong Kiều, *Tán Th- Đào Hoàng truyện*, Nguyễn Ngọc Tuấn trích dịch từ bản chữ Hán, Viện Hán nôm, Hà Nội.
3. Hoàng Lương (1999), “Luật tục trong hôn nhân và gia đình của ng-ời Thái M-ờng Tắc — Phù Yên — Sơn La”, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế, *Luật tục và phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam*.
4. Hoàng L-ong (2002), *Lễ hội truyền thống của các dân tộc Việt Nam khu vực phía bắc*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
5. Hoàng L-ong (2005), *Văn hoá các dân tộc Tây Bắc Việt Nam*, Tr-ờng Đại học Văn hoá Hà Nội.
6. Nguyễn Ngọc Thanh (2005), *Gia đình và hôn nhân của dân tộc M-ờng ở tỉnh Phú Thọ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Cẩm Trọng (1978), *Ng-ời Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Cẩm Trọng (2005), *Những hiểu biết về ng-ời Thái ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia.